

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày 22- 9 - 2020

V/v "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Hải Quân

Ông Hoàng Mạnh Sắn

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Sâm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:10/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2020/QĐST-NHGD ngày 14/9/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số E, khu F, N, thị trấn D, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Trung V - Luật sư, thuộc Văn phòng Luật sư K. Địa chỉ: Số O, H, phường L, thành phố S; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Duy C, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số E, khu F, N, thị trấn D, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Duy C được tự do tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn vào năm 1995 việc đăng ký tại nhà trưởng thôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương cấp giấy đăng ký kết hôn (giấy kết hôn do anh Lê

Duy C giữ). Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc và đã có 02 người con chung. Đến năm 2015 vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Lê Duy C có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác chị có can ngăn, khuyên giải nhiều lần nhưng anh Lê Duy C không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh Lê Duy C không còn tôn trọng chị, thỉnh thoảng anh Lê Duy C lại bỏ nhà đi thuê nhà chung sống với người phụ nữ khác, khi về nhà anh không quan tâm đến chị và con cái, anh chỉ tìm cách gây sự với chị, chị có khuyên giải thì anh Lê Duy C mắng chửi. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng chị đã sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm với nhau, vợ chồng sống chung một nhà nhưng coi nhau như người xa lạ, anh Lê Duy C đi đâu làm gì cũng không bao giờ nói với chị, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đã làm đơn xin ly hôn với anh Lê Duy C. Trong quá trình làm thủ tục ly hôn, do giấy kết hôn anh Lê Duy C giữ nên ngày 04/5/2020 chị đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương cấp lại Trích lục đăng ký hết hôn hoặc xác nhận việc vợ chồng chị đã đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương để chị có căn cứ đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật. Ngày 11/5/2020 Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương đã xác nhận: Căn cứ vào sổ đăng ký kết hôn năm 1995 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương thì "không có ai là Lê Duy C và Nguyễn Thị N đã đăng ký kết hôn". Do vậy, Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương không có căn cứ để cấp Trích lục đăng ký hết hôn hoặc xác nhận về việc chị và anh Lê Duy C đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương. Nên trong buổi tiếp cận công khai chứng cứ ngày 31/8/2020 chị thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giải quyết không công nhận chị và anh Lê Duy C là vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay chị vẫn giữ nguyên yêu cầu này.

Về con chung: Chị và anh Lê Duy C có 02 con chung là Lê Duy M, sinh năm 1996 và Lê Duy Hùng A, sinh năm 2000. Hiện hai con đã trưởng thành, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị với anh Lê Duy C sẽ tự thỏa thuận, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Duy C trong quá trình Tòa án giải quyết đã thông báo về việc thụ lý vụ án; niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật; đăng thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng anh Lê Duy C vẫn không hợp tác, không đến Tòa án để giải quyết. Tại phiên tòa ngày 14/9/2020, do anh Lê Duy C vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay anh Lê Duy C tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trung V trình bày như sau: Trong quá trình chung sống giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lê Duy C có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chị Nguyễn Thị N đã trình bày ở trên, chị Nguyễn Thị N trình bày là vợ chồng có đăng ký kết hôn, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh đã đăng ký kết hôn. Việc ly hôn hay không ly hôn do chị Nguyễn Thị N quyết định; về con chung các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản

chung chị Nguyễn Thị N sẽ tự thỏa thuận với anh Lê Duy C, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung và cho vay chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 76 ; bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, không công nhận chị Nguyễn Thị N và anh Lê Duy C là vợ chồng. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N phải chịu chi phí tố tụng khác và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc việc ly hôn, tuy nhiên chị N và anh C không có đăng ký kết hôn, chị đã yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng, vì vậy xác định quan hệ pháp luật là "Không công nhận là vợ chồng" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Duy C có hộ khẩu thường trú tại Số E, khu F, N, thị trấn D, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Lê Duy C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ (như thông báo về việc thụ lý vụ án; niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật; đăng thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng) nhưng trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Lê Duy C đều vắng mặt, không hợp tác. Bị đơn anh Lê Duy C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ điểm b khoản

2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Duy C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Duy C chung sống với nhau từ năm 1995, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Tại đơn đề nghị xác nhận về việc đăng ký kết hôn ngày 04/5/2020 của chị, Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương đã xác nhận " Căn cứ vào sổ hộ tịch (sổ đăng ký kết hôn) năm 1995 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương vẫn còn được lưu trữ nguyên vẹn không có ai là Lê Duy C và Nguyễn Thị N đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L" và tại biên bản xác minh ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện C. Qua xác minh, Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện C, tỉnh Lạng Sơn xác định "...sổ đăng ký kết hôn năm 1995 được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện C, tỉnh Lạng Sơn chỉ có 04 cặp đăng ký kết hôn nhưng không có tên của chị Nguyễn Thị N và anh Lê Duy C". Theo quy định tại khoản 1, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."*. Như vậy, có căn cứ xác định chị Nguyễn Thị N và anh Lê Duy C không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương và Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lê Duy C không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên không công nhận chị Nguyễn Thị N và anh Lê Duy C là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị và anh Lê Duy C có 02 con chung là Lê Duy M, sinh năm 1996 và Lê Duy Hùng A, sinh năm 2000. Hiện hai cháu đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung và cho vay chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về chi phí tố tụng khác: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí nhả tin trên phương tiện thông tin đại chúng theo hóa đơn giá trị gia tăng ngày 12/8/2020 của Báo Công lý. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, điểm a, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung Ngân sách Nhà nước.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N. Không công nhận chị Nguyễn Thị N và anh Lê Duy C là vợ chồng.

2. Về chi phí tố tụng khác: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí nhấn tin trên phương tiện thông tin đại chúng theo hóa đơn giá trị gia tăng ngày 12/8/2020 của Báo Công lý. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước. Chị N đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/05443 ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Chị Nguyễn Thị N không phải nộp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- UBND thị trấn D, huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Thị Hà